

# **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý	7 - 8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý	10 - 35

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023

## TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Tô Quốc Tuấn - được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 19072023/UQ-CTHQQT ngày 19 tháng 7 năm 2023.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ

Ban Điều hành của TVS chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất quý cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất quý; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất quý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.663.065.093.984</b>	<b>2.292.234.426.657</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>63.938.037.595</b>	<b>48.577.339.437</b>
111	1. Tiền		63.938.037.595	44.577.339.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>5.203.401.385.318</b>	<b>2.072.271.846.251</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.203.401.385.318	2.074.064.142.947
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(1.792.296.696)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>395.519.734.432</b>	<b>170.976.484.180</b>
131	1. Phải thu khách hàng		44.194.666.421	-
132	2. Trả trước cho người bán		337.620.340	31.927.500
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	13.707.806.101	11.109.074.162
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	337.279.641.570	159.835.482.518
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>205.936.639</b>	<b>408.756.789</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	136.448.630	356.664.901
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	69.488.009	52.091.888
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.913.456.178.485</b>	<b>2.936.444.906.912</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>2.121.495.240</b>	<b>42.548.912</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.177.811.907	42.548.912
222	- Nguyên giá		1.266.307.000	64.357.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.495.093)	(21.808.088)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	726.683.333	-
228	- Nguyên giá		739.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.316.667)	-
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		217.000.000	-
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.909.218.077.700</b>	<b>2.934.817.616.876</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	10	1.909.218.077.700	2.934.817.616.876
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.116.605.545</b>	<b>1.584.741.124</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	400.491.529	247.678.145
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	1.546.805.619	1.242.018.052
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	169.308.397	95.044.927
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.576.521.272.469</b>	<b>5.228.679.333.569</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.134.297.271.647</b>	<b>4.896.600.162.907</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.950.827.271.647</b>	<b>4.587.100.162.907</b>
311	1. Vay ngắn hạn	13	8.000.000.000	206.300.000.000
312	2. Phải trả người bán	14	75.401.329.424	32.179.115.956
313	3. Người mua trả tiền trước		-	858.280.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.537.847.442	5.479.588.998
315	5. Phải trả người lao động		3.520.565.595	234.635.591
316	6. Chi phí phải trả		6.728.106.820	16.860.576.452
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	6.830.661.693.777	4.319.516.798.717
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.671.167.193	5.671.167.193
328	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.306.561.396	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>183.470.000.000</b>	<b>309.500.000.000</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	16	100.000.000.000	124.000.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	13	83.470.000.000	185.500.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>442.224.000.822</b>	<b>332.079.170.662</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	17.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	17.2	276.950.056.682	181.781.691.011
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	18	36.762.161.518	21.785.697.029
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.576.521.272.469</b>	<b>5.228.679.333.569</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 01a-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b>		<b>33.325.000.000</b>	<b>33.810.000.000</b>
007	- Chứng khoán giao dịch		33.325.000.000	33.810.000.000
<b>030</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>27</b>	<b>69.243.503.425</b>	<b>161.155.734.592</b>
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		69.240.738.025	161.151.798.129
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.765.400	3.936.463
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>2.347.665.024.866</b>	<b>2.564.393.522.920</b>
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	28	2.345.267.173.431	2.561.397.308.885
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.397.851.435	2.996.214.035
<b>050</b>	<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>29</b>	<b>87.791.179.157</b>	<b>65.883.288.362</b>
<b>051</b>	<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>30</b>	<b>15.694.130.937</b>	<b>18.048.283.672</b>



Bà Đặng Trần Duy Khanh  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		9.534.270.291	5.563.291.575	23.947.231.540	25.931.894.233
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	9.534.270.291	5.563.291.575	23.947.231.540	25.931.894.233
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	(11.237.541.905)	(3.729.628.595)	(19.626.400.867)	(11.856.162.376)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(1.703.271.614)	1.833.662.980	4.320.830.673	14.075.731.857
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	152.435.864.701	95.588.384.342	572.408.831.038	368.425.028.394
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	22	(115.637.395.711)	(84.377.203.110)	(433.274.826.494)	(289.507.883.829)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(6.791.157.684)	(1.950.812.915)	(14.406.934.714)	(6.160.917.439)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		28.304.039.692	11.094.031.297	129.047.900.503	86.831.958.983
31	9. Thu nhập khác		1.000.000	-	18.803.174	(225.006.804)
32	10. Chi phí khác		-	-	(50.000.000)	-
40	11. Lợi nhuận khác		1.000.000	-	(31.196.826)	(225.006.804)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.305.039.692	11.094.031.297	129.016.703.677	86.606.952.179
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(4.911.682.119)	(1.671.648.748)	(26.151.661.084)	(18.612.388.488)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	(770.363.026)	(592.157.513)	304.787.567	1.242.018.052
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.622.994.547	8.830.225.036	103.169.830.160	69.236.581.743
	- LN sau thuế TNDN của Công ty mẹ		20.961.317.095	9.755.791.471	95.168.365.671	64.991.525.483
	- LN sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát		1.661.677.452	(925.566.435)	8.001.464.489	4.245.056.260
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.677	780	7.613	5.199

*[Signature]*

Bà Đặng Trần Duy Khanh  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Ông Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 01 năm 2024



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>129.016.703.677</b>	<b>86.606.952.179</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định	8,9	79.003.672	18.220.625
03	2. Các khoản dự phòng		(1.792.296.696)	1.792.296.696
05	3. Lãi từ hoạt động đầu tư		(572.408.831.038)	(274.598.685.947)
06	4. Chi trả lãi vay		28.132.931.361	46.209.448.501
08	<b>Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>(416.972.489.024)</b>	<b>(139.971.767.946)</b>
09	1. Giảm các khoản phải thu		358.990.860.170	80.282.573.386
11	2. Tăng các khoản phải trả		2.150.166.611.611	2.448.168.197.321
12	3. Tăng chi phí trả trước		67.402.887	(235.900.412)
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(24.547.885.751)	(34.090.230.128)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.834.016.659)	(36.257.701.208)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.046.870.483.234</b>	<b>2.317.895.171.013</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.157.950.000)	(33.560.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.091.691.309.315)	(4.271.879.460.785)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.036.067.943.249	2.189.525.883.703
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(65.550.000.000)	(206.680.801.975)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.147.825.346	70.929.122.049
27	6. Lãi tiền gửi thu được		384.193.705.644	238.884.078.061
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.722.989.785.076)</b>	<b>(1.979.254.738.947)</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		6.975.000.000	280.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		498.037.500.000	2.153.642.000.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(813.532.500.000)	(2.469.352.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(308.520.000.000)	(315.430.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.360.698.158	23.210.432.066
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	48.577.339.437	25.366.907.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	63.938.037.595	48.577.339.437



Bà Đặng Trần Duy Khanh  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2024

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT QUỸ  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.1	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	17.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	17.2	120.308.382.392	181.781.691.011	66.516.081.508	(5.042.772.889)	95.168.365.671	-	181.781.691.011	276.950.056.682
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	18.785.196.794	21.785.697.029	3.000.500.235	-	14.976.464.489	-	21.785.697.029	36.762.161.518
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>267.605.361.808</b>	<b>332.079.170.662</b>	<b>69.516.581.743</b>	<b>(5.042.772.889)</b>	<b>110.144.830.160</b>	<b>-</b>	<b>332.079.170.662</b>	<b>442.224.000.822</b>



Bà Đặng Trần Duy Khanh  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2024

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18 người).

### Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (1) công ty con như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Finsight ("Finsight")	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn đầu tư	91,37%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (1) bên liên quan, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Camellia Wealth ("Camellia Wealth") (*)	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	35,5%

(\*) Finsight đầu tư 49% vào Camellia Wealth

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Nhóm Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất năm và giữa niên độ theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ báo cáo ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất quý.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất quý được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Các khoản đầu tư

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

#### **Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

#### **Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Chứng khoán và đầu tư vào công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phần mềm	5 năm

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất quý và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Lợi ích của nhân viên**

**3.9.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**3.9.2 Trợ cấp thôi việc**

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

**3.9.3 Trợ cấp thất nghiệp**

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.



**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

***Phí quản lý***

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**3.11 Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán quý mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.12 Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

***Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.***

*Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**3.14 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Tiền mặt	22.586.802	65.345.094
Tiền gửi không kì hạn	63.915.450.793	44.511.994.343
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	-	4.000.000.000
	<b>63.938.037.595</b>	<b>48.577.339.437</b>

## 5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>	<b>33.325.000.000</b>	<b>13.125.000.000</b>
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	13.125.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	20.200.000.000	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>430.058.472.164</b>	<b>169.691.799.399</b>
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	134.359.409.660	119.358.831.399
Công ty cổ phần Giải trí và giáo dục Galaxy	29.632.968.000	29.632.968.000
Công ty cổ phần Galaxy Education	250.791.122.337	20.700.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ NAMI	15.274.972.167	-
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>199.901.369.041</b>	<b>37.779.158.591</b>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	199.901.369.041	-
Trái phiếu niêm yết khác	-	37.779.158.591
<b>Trái phiếu không niêm yết</b>	<b>888.431.445.083</b>	<b>666.623.994.432</b>
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>1.765.864.864.784</b>	<b>544.437.868.060</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi</b>	<b>1.871.820.234.246</b>	<b>430.576.322.465</b>
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>211.830.000.000</b>
	<b>5.203.401.385.318</b>	<b>2.074.064.142.947</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.792.296.696)
	<b>5.203.401.385.318</b>	<b>2.072.271.846.251</b>

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

### 6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	<b>13.707.806.101</b>	<b>11.109.074.162</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 6.2 Các khoản phải thu khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	200.532.503.747	136.115.599.659
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	114.187.711.101	23.719.882.859
Phải thu khác	22.559.426.722	-
	<b>337.279.641.570</b>	<b>159.835.482.518</b>

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	27.516.000	28.197.085
Phí bảo hiểm	10.364.999	-
Chi phí dịch vụ pháp lý	-	262.440.000
Phí sửa chữa văn phòng	-	47.058.541
Khác	98.567.631	18.969.275
	<b>136.448.630</b>	<b>356.664.901</b>

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	64.357.000	64.357.000
Mua trong năm	1.201.950.000	-	1.201.950.000
Số cuối năm	<b>1.201.950.000</b>	<b>64.357.000</b>	<b>1.266.307.000</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số đầu năm	-	21.808.088	21.808.088
Khấu hao trong năm	45.234.677	21.452.328	66.687.005
Số cuối năm	<b>45.234.677</b>	<b>43.260.416</b>	<b>88.495.093</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	<b>42.548.912</b>	<b>42.548.912</b>
Số cuối năm	<b>1.156.715.323</b>	<b>21.096.584</b>	<b>1.177.811.907</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	-
Mua trong năm	739.000.000
Số cuối năm	<b>739.000.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	12.316.667
Số cuối năm	<b>12.316.667</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<b>726.683.333</b>

## 10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Đầu tư trái phiếu	1.216.484.790.000	2.809.744.766.876
<i>Đầu tư trái phiếu TCTD</i>	<i>1.016.484.790.000</i>	<i>2.652.589.769.932</i>
<i>Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>157.154.996.944</i>
Chứng chỉ tiền gửi	277.733.287.700	-
Tiền gửi có kỳ hạn	215.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	200.000.000.000	125.072.850.000
	<b>1.909.218.077.700</b>	<b>2.934.817.616.876</b>

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Công cụ, dụng cụ	261.906.139	104.757.790
Phần mềm dùng cho Server	72.871.754	-
Chứng thư số công cộng	50.828.668	61.689.430
Đồng phục nhân viên	3.300.000	42.900.000
Cước dịch vụ internet	-	28.285.714
Khác	11.584.968	10.045.211
	<b>400.491.529</b>	<b>247.678.145</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	120.000.000	61.898.200
Đặt cọc phí lưu ký	33.308.397	17.146.727
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Khác	1.000.000	1.000.000
	<b><u>169.308.397</u></b>	<b><u>95.044.927</u></b>

## 13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>		
Vay ngân hàng	-	184.600.000.000
Vay cá nhân	8.000.000.000	21.700.000.000
	<b><u>8.000.000.000</u></b>	<b><u>206.300.000.000</u></b>
<b><i>Vay dài hạn</i></b>		
Vay cá nhân	<b><u>83.470.000.000</u></b>	<b><u>185.500.000.000</u></b>

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả mua cổ phần, trái phiếu	47.550.431.654	-
Phí quản lý phải trả	27.850.897.770	32.170.115.956
Phải trả người bán	-	9.000.000
	<b><u>75.401.329.424</u></b>	<b><u>32.179.115.956</u></b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.523.336.566	26.151.661.084	(20.834.016.659)	8.840.980.991
Thuế thu nhập cá nhân	1.956.252.432	24.181.764.706	(20.441.150.687)	5.696.866.451
Thuế môn bài	-	7.000.000	(7.000.000)	-
	<b>5.479.588.998</b>	<b>50.340.425.790</b>	<b>(41.282.167.346)</b>	<b>14.537.847.442</b>
	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT đầu vào	<b>52.091.888</b>	<b>8.716.859.543</b>	<b>(8.699.463.422)</b>	<b>69.488.009</b>

## 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i> <i>(Trình bày lại)</i>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với người dùng	6.669.946.202.116	4.205.421.798.717
Phải trả hợp tác kinh doanh với cá nhân	160.687.878.661	114.095.000.000
Phải trả khác	27.613.000	-
	<b>6.830.661.693.777</b>	<b>4.319.516.798.717</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>		
Phải trả hợp tác kinh doanh với cá nhân	100.000.000.000	124.000.000.000
	<b>100.000.000.000</b>	<b>124.000.000.000</b>
	<b>6.930.661.693.777</b>	<b>4.443.516.798.717</b>



## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

### 17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

17.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
	Nguyễn Thanh Thảo	100.000.000	0,08	-	-
	Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	Trần Vinh Quang	-	-	100.000.000	0,08
		<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

### 17.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND		Quỹ dự phòng tài chính VND		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND		Lợi nhuận chưa phân phối VND		Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	125.000.000.000	-	1.755.891.311	-	1.755.891.311	-	181.781.691.011	21.785.697.029	332.079.170.662		
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	95.168.365.671	8.001.464.489	103.169.830.160		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	6.975.000.000	6.975.000.000		
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>-</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>-</b>	<b>276.950.056.682</b>	<b>36.762.161.518</b>	<b>442.224.000.822</b>		

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 18. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	21.785.697.029	18.785.196.794
Góp vốn trong năm	6.975.000.000	280.000.000
Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	(1.524.556.025)
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	8.001.464.489	4.245.056.260
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>36.762.161.518</b>	<b>21.785.697.029</b>

## 19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	3.909.801.780	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	2.487.880.716	4.509.850.619
Phí quản lý quỹ	1.408.587.795	916.580.156
Phí quản lý đầu tư chứng khoán	-	136.860.800
Doanh thu hoạt động khác	1.728.000.000	-
	<b>9.534.270.291</b>	<b>5.563.291.575</b>

## 20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Chi phí nhân viên	10.640.053.121	3.177.840.114
Chi phí thuê văn phòng	118.255.254	149.296.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.601.936	52.495.853
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.664.690	135.868.155
Thuế, phí và lệ phí	22.500.000	60.000.000
Chi phí khấu hao	17.218.755	2.796.666
Chi phí bằng tiền khác	328.248.149	151.331.042
	<b>11.237.541.905</b>	<b>3.729.628.595</b>

## 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Lãi tiền gửi, CCTG, hợp đồng tiền gửi	91.617.915.167	3.612.274.090
Lãi trái phiếu đầu tư	49.106.019.394	69.348.931.628
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	11.711.930.140	22.627.178.624
	<b>152.435.864.701</b>	<b>95.588.384.342</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư	111.774.980.822	66.922.383.088
Lãi vay cá nhân	2.484.762.572	11.548.837.907
Lãi tiền vay TCTD	1.203.755.344	3.641.578.083
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	27.833	171.920.000
Lỗ từ đánh giá lại khoản đầu tư	-	1.792.296.696
Các chi phí tài chính khác	173.869.140	300.187.336
	<b>115.637.395.711</b>	<b>84.377.203.110</b>

## 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	5.412.163.540	1.373.505.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	850.272.729	351.159.765
Chi phí khấu hao	51.619.260	2.566.416
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.226.108	38.751.654
Thuế, phí và lệ phí	2.671.000	2.294.868
Chi phí khác	441.205.047	182.535.124
	<b>6.791.157.684</b>	<b>1.950.812.915</b>

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty tạm tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 24.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	129.016.703.677	86.606.952.179
Thuế TNDN tạm tính 20%	25.803.340.736	17.321.390.436
Ảnh hưởng của việc hợp nhất báo cáo tài chính	19.192.781	-
Các khoản điều chỉnh tăng	383.711.816	1.290.998.052
- Điều chỉnh tăng doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	371.711.816	1.242.018.052
- Điều tăng chi phí không được trừ	12.000.000	48.980.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(484.264.344)	-
- Khác	(484.264.344)	-
Điều chỉnh số thuế TNDN nộp thiếu của năm trước	429.680.095	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>26.151.661.084</b>	<b>18.612.388.488</b>

### 24.3 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý của Nhóm Công ty như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	<u>1.546.805.619</u>	<u>1.242.018.052</u>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý</b>			<u>304.787.567</u>	<u>1.242.018.052</u>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (đồng)	20.961.317.095	9.755.791.471	95.168.365.671	64.991.525.483
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>1.677</b>	<b>780</b>	<b>7.613</b>	<b>5.199</b>

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	6.299.418.135	4.177.446.840
	Phí giao dịch, lưu ký	25.093.251	43.727.609
	Phí môi giới	86.303.400	104.139.900
	Giao dịch chứng khoán	269.410.561.932	144.255.018.079
	Giao dịch trái phiếu	625.820.561.600	100.357.520.400
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	375.553.294
	Cổ tức	-	11.200.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Thu phí quản lý Quỹ	2.604.752.486	2.109.469.681
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Thu phí quản lý Quỹ	5.617.056.223	969.659.618
	Thu phí phát hành chứng chỉ quỹ	-	2.006.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Thu phí quản lý Quỹ	292.382.765	-
	Thu phí phát hành chứng chỉ quỹ	1.728.000.000	-
Ban lãnh đạo TVS	Vay	106.727.500.000	655.500.000.000
	Trả vay	208.302.500.000	470.000.000.000
	Chi phí lãi vay	16.261.402.796	22.950.642.472

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ban lãnh đạo Finsight			
	Vay	96.700.000.000	990.442.000.000
	Trả vay	96.700.000.000	1.422.302.000.000
	Chi phí lãi vay	234.202.740	6.871.134.795
	Cho vay	505.700.000.000	196.670.000.000
	Thu hồi cho vay	505.700.000.000	196.670.000.000
	Doanh thu lãi vay	6.558.945.207	675.454.247

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt			
	Vốn góp	124.800.000.000	124.800.000.000
	Phải trả mua tài sản tài chính	44.850.431.654	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3			
	Đầu tư ngắn hạn	13.125.000.000	13.125.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4			
	Thu phí quản lý và phí thường quản lý Quỹ	3.434.331.680	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5			
	Đầu tư ngắn hạn	20.200.000.000	-
Ban lãnh đạo TVS			
	Phải trả ngắn hạn khác	244.823.465.640	238.095.000.000
	Vay ngắn hạn	83.470.000.000	-
	Vay dài hạn	-	185.500.000.000
Bên liên quan của Finsight			
	Cho vay ngắn hạn	84.400.000.000	-

## 27. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	161.155.734.592	55.176.003.611
Tăng trong kỳ	5.109.483.856.090	6.758.969.244.743
Giảm trong kỳ	(5.201.396.087.257)	(6.652.989.513.762)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>69.243.503.425</b>	<b>161.155.734.592</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 28. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
<b>Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch</b>	<b>610.609.959.065</b>	<b>589.537.965.289</b>
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	<i>261.778.119.825</i>	<i>505.540.611.141</i>
DPR	32.618.096.000	-
DXS	44.661.630.300	-
IDC	-	-
POW	51.768.120.000	38.433.989.721
PVP	-	-
STB	74.128.259.925	-
TCB	-	-
VNM	11.646.700.000	39.515.541.433
VRE	-	72.017.016.261
VPB	37.091.735.200	61.339.162.072
ACB	-	36.455.223.153
HPG	-	19.345.362.154
Các loại mã chứng khoán khác	9.863.578.400	238.434.316.347
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>50.476.459.122</b>	<b>43.741.293.544</b>
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>	<b>157.311.905.942</b>	<b>303.554.448.352</b>
<b>Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết</b>	<b>108.285.560.054</b>	<b>239.130.093.103</b>
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>475.454.822.606</b>	<b>49.885.773.313</b>
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>55.020.509.500</b>	<b>120.620.529.216</b>
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>382.107.957.142</b>	<b>1.014.958.027.984</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi</b>	<b>506.000.000.000</b>	<b>199.969.178.084</b>
	<b><u>2.345.267.173.431</u></b>	<b><u>2.561.397.308.885</u></b>

## 29. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
Phải thu lãi tiền gửi	66.441.171.095	56.735.690.190
Phải thu bán chứng khoán	12.569.630.404	7.703.630.680
Phải thu cổ tức	2.421.650.000	1.378.899.000
Phải thu khác, tài sản khác	6.358.727.658	65.068.492
	<b><u>87.791.179.157</u></b>	<b><u>65.883.288.362</u></b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

## 30. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
Phải trả tiền mua chứng khoán	5.821.500.000	6.813.950.000
Phải trả phí quản lý danh mục	9.798.004.321	11.119.939.026
Phải trả phí khác	74.626.616	114.394.646
	<b>15.694.130.937</b>	<b>18.048.283.672</b>

## 31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (Trình bày lại)
Dưới 1 năm	2.282.921.300	1.821.037.080
Từ 1 năm đến 5 năm	2.142.780.800	1.247.530.900
	<b>4.425.702.100</b>	<b>3.068.567.980</b>

## 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 32.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.



**32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**32.1 *Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**32.2 *Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**32.3 *Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

### 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 32.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.938.037.595	-	-	-	-	63.938.037.595
Đầu tư ngắn hạn	1.167.688.092.300	310.408.109.589	2.657.110.594.388	103.015.890.411	965.178.698.630	5.203.401.385.318
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	13.707.806.101	-	-	-	13.707.806.101
Phải thu khác	-	158.382.377.522	223.091.930.469	-	-	381.474.307.991
Đầu tư dài hạn	-	-	-	1.207.733.287.700	701.484.790.000	1.909.218.077.700
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	120.000.000	49.308.397	169.308.397
	<b>1.231.626.129.895</b>	<b>482.498.293.212</b>	<b>2.880.202.524.857</b>	<b>1.310.869.178.111</b>	<b>1.666.712.797.027</b>	<b>7.571.908.923.102</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay ngắn hạn	-	-	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	83.470.000.000	-	83.470.000.000
Phải trả người bán	-	75.401.329.424	-	-	-	75.401.329.424
Chi phí phải trả	-	6.728.106.820	-	-	-	6.728.106.820
Nợ phải trả tài chính khác	-	-	6.830.661.693.777	100.000.000.000	-	6.930.661.693.777
	<b>-</b>	<b>82.129.436.244</b>	<b>6.838.661.693.777</b>	<b>183.470.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.104.261.130.021</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B 09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.577.339.437	4.000.000.000	-	-	-	48.577.339.437
Đầu tư ngắn hạn	734.015.866.998	244.441.531.540	1.095.606.744.409	-	-	2.074.064.142.947
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	11.109.074.162	-	-	-	11.109.074.162
Phải thu khác	-	90.634.637.148	69.197.165.918	-	3.679.452	159.835.482.518
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	283.479.882.399	2.651.337.734.477	2.934.817.616.876
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	61.898.200	33.146.727	95.044.927
	<b>778.593.206.435</b>	<b>350.185.242.850</b>	<b>1.164.803.910.327</b>	<b>283.541.780.599</b>	<b>2.651.374.560.656</b>	<b>5.228.498.700.867</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay ngắn hạn	-	206.300.000.000	-	-	-	206.300.000.000
Phải trả người bán	9.000.000	32.170.115.956	-	-	-	32.179.115.956
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	-	-	858.280.000
Vay dài hạn	-	-	-	185.500.000.000	-	185.500.000.000
Chi phí phải trả	-	386.208.166	-	-	-	386.208.166
Nợ phải trả tài chính khác	-	4.443.516.798.717	-	-	-	4.443.516.798.717
	<b>9.000.000</b>	<b>4.683.231.402.839</b>	-	<b>185.500.000.000</b>	-	<b>4.868.740.402.839</b>

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B 09a-CTQ

### 33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.938.037.595	48.577.339.437	63.938.037.595	48.577.339.437
Đầu tư ngắn hạn	5.203.401.385.318	2.074.064.142.947	5.212.311.055.181	2.080.146.846.251
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	13.707.806.101	11.109.074.162	13.707.806.101	11.109.074.162
Phải thu khác	381.474.307.991	159.835.482.518	381.474.307.991	159.835.482.518
Đầu tư dài hạn	1.909.218.077.700	2.934.817.616.876	1.909.218.077.700	2.934.817.616.876
Tài sản tài chính dài hạn khác	169.308.397	95.044.927	169.308.397	95.044.927
	<b>7.571.908.923.102</b>	<b>5.228.498.700.867</b>	<b>7.580.818.592.965</b>	<b>5.234.581.404.171</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay ngắn hạn	8.000.000.000	206.300.000.000	8.000.000.000	206.300.000.000
Phải trả người bán	75.401.329.424	32.179.115.956	75.401.329.424	32.179.115.956
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	858.280.000
Chi phí phải trả	6.728.106.820	386.208.166	6.728.106.820	386.208.166
Nợ phải trả tài chính khác	6.930.661.693.777	4.459.991.167.003	6.930.661.693.777	4.459.991.167.003
Vay và nợ dài hạn	83.470.000.000	185.500.000.000	83.470.000.000	185.500.000.000
	<b>7.104.261.130.021</b>	<b>4.885.214.771.125</b>	<b>7.104.261.130.021</b>	<b>4.885.214.771.125</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số dữ liệu tương ứng của năm trước đã được phân loại lại và trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quý của kỳ này.

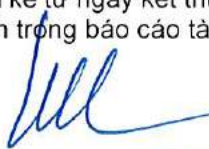
Mã số	Chỉ tiêu	Trước khi trình bày lại VND	Điều chỉnh VND	Sau khi trình bày lại VND
310	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>4.701.740.126.104</b>	<b>(124.000.000.000)</b>	<b>4.587.100.162.907</b>
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.443.516.798.717	(124.000.000.000)	4.319.516.798.717
330	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>185.500.000.000</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>309.500.000.000</b>
333	Phải trả dài hạn khác	-	124.000.000.000	124.000.000.000

## 35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất Quý yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý.



Bà Đặng Trần Duy Khanh  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2024